TAND TP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019 /DSST
Ngày: 02/4/2019.
Về việc: "Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thanh Hòa- Thẩm phán.**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Đỗ Văn Hòa**
2. **Ông Nguyễn Bính**

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2018/TLST-DS ngày 05/12/2018 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST–DS ngày 19/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-DS ngày 13/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Đài L, sinh năm: 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 02, phường Đ, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 07, phường L, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đặng Thị Đài L trình bày:**

Do xuất phát từ mối quan hệ quen biết trong việc cùng buôn bán chung ở chợ P. Bà có cho bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987, cư ngụ tại khu phố 07,

phường L, Tp. P có ki ốt kinh doanh số 186 lầu 1 khu A chợ P vay tổng cộng số tiền 80.000.000 *(Tám mươi triệu)* đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 3/5/2015 vay số tiền 30.000.000 *(Ba mươi triệu)* đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng.

Lần 2: Ngày 04/8/2015 vay số tiền 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng, mỗi tháng 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thỏa thuận 4%/tháng.

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên bà T thế chấp Hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ P theo Hợp đồng số 392 tại ki ốt 186 cho bà L.

Bà T trả lãi hàng tháng cho bà L đến tháng 9/2016 thì bà T không trả nữa. Cụ thể: tiền lãi khoản vay 03/5/2015 đến tháng 9/2016: 16 tháng x 30.000.000 đồng x 4%/tháng = 19.200.000 đồng; tiền lãi khoản vay 04/8/2015 đến tháng 9/2016: 13 tháng x 50.000.000 đồng x 4%/tháng = 26.000.000 đồng.

Đến hạn trả tiền, bà đã nhiều lần đến gặp bà T để đòi nhưng bà T hứa hẹn nhưng vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho bà tổng số tiền của hai lần mượn nợ là 80.000.000 *(Tám mươi triệu)* đồng và không yêu cầu tính lãi.

*** <u>Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:</u>**

Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu phản tố… nhưng bị đơn vẫn không trình bày cũng như cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng không được do bị đơn không đến tham gia hòa giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ vào hai giấy vay tiền và hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ P (Hợp đồng số 392 ki ốt 186) thì việc bà L yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do số tiền lãi giữa bà L và bà T thỏa thuận và đã trả vượt quá mức quy định của pháp luật nên cần trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào tiền gốc là 32.487.500 đồng nên số tiền bà T phải trả cho bà L là 47.512.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về trình tự thủ tục tố tụng:*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, hiện nay đang cư trú tại khu phố 07, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đài L về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án nhân dân Tp. Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về nội dung vụ án:***

Ngày 3/5/2015 vay số tiền 30.000.000 *(Ba mươi triệu)* đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng.

Ngày 04/8/2015 vay số tiền 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng, mỗi tháng 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thỏa thuận 4%/tháng.

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên bà T thế chấp Hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ P theo Hợp đồng số 392 tại ki ốt 186 cho bà L.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho bà hai khoản trên với tổng số tiền là 80.000.000 *(Tám mươi triệu)* đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ngọc T không có mặt chứng tỏ bà T đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên việc xét xử vắng mặt bà T là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp của bà L.

Ngoài lời khai này của bà L, thì bà T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc giao nộp chứng cứ và yêu cầu phản tố, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải…nhưng bà T cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 03/5/2015 với nội dung *"Tôi tên Nguyễn Thị Ngọc T, địa chỉ khu phố 07, phường L, thành phố P. năm sinh 19/11/1987 số CMND 261168088 cấp ngày 28/12/2005. Tôi có vay mượn của chị Đặng Thị Đài L số tiền 30.000.000 đồng, mượn dài hạn với lãi suất 4%/tháng. Đồng thời tôi có thế chấp hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ P (Hợp đồng số 392) kios 186 cho chị L…"*; giấy vay tiền đề ngày 04/8/2015 nội dung *""Tôi tên Nguyễn Thị Ngọc T, địa chỉ khu phố 07, phường L, thành phố P. năm sinh 19/11/1987 số CMND 261168088 cấp ngày 28/12/2005. Tôi có vay mượn của chị Đặng Thị Đài L số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng*

(mỗi tháng trả 10.000.000 đồng kèm theo lãi suất 4%/tháng như thỏa thuận). Đồng thời tôi có thế chấp hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ P (Hợp đồng số 392) kios 186 cho chị L…" và Hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ P số 392/HĐ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Ngọc T có vay của bà Đặng Thị Đài L tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu bà T phải trả lại số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa; không trình bày ý và cũng không có yêu cầu phản tố về việc tính lại lãi suất. Nhưng xét thấy để bảo đảm quyền lợi cho bà T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền lãi đã trả vượt quá thì được trừ vào tiền gốc. Căn cứ lời khai của bà L thì bà xác định bà T trả lãi hàng tháng cho bà đến tháng 9/2016 thì bà T không trả nữa. Cụ thể: tiền lãi khoản vay 03/5/2015 đến tháng 9/2016: 16 tháng x 30.000.000 đồng x 4%/tháng = 19.200.000 đồng; tiền lãi khoản vay 04/8/2015 đến tháng 9/2016: 13 tháng x 50.000.000 đồng x 4%/tháng = 26.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà T đã trả cho bà L là 45.200.000 đồng. Như vậy, việc thỏa thuận lãi suất của các bên là 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định. Căn cứ vào 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QD-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất là 13,5%/năm tương đương 1,125%/tháng nên chỉ có thể chấp nhận mức lãi suất là 16 tháng x 30.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 5.400.000 đồng và 13 tháng x 50.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 7.312.500 đồng. Tổng số tiền lãi theo quy định là 12.712.500 đồng, do đó số tiền lãi bà T đã trả vượt quá mức quy định là 45.200.000 đồng – 12.712.500 đồng = 32.487.500 đồng được trừ vào số tiền gốc.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đài L đối với số tiền 80.000.000 đồng -32.487.500 đồng = 47.512.500 *(Bốn mươi bảy triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm)* đồng.

Tại ngày xét xử, giải quyết Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật nhưng theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà T đã được thực hiện xong vào ngày 04/8/2015 trước ngày Bộ luật dân sự 2015 (ngày 01/01/2017) có hiệu lực, vì vậy khi giải quyết thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] ***Về án phí***: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đài L không được chấp nhận một phần nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***1/ Áp dụng*:** Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đài L.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho bà Đặng Thị Đài L số tiền còn nợ là 47.512.500 *(Bốn mươi bảy triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm)* đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí: Bà Đặng Thị Đài L phải chịu 1.624.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0023844 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết; hoàn lại cho bà Đặng Thị Đài L số tiền tạm ứng án phí còn lại là 375.700 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 2.375.600 án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bán án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*;
- *VKS Tp. Phan Thiết;*
-*Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;*
- *Đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hòa